ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP.HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG PHỔ THÔNG NĂNG KHIẾU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH TRÚNG TUYỂN LỚP: LÝ-TOÁN

Kỳ thi tuyển sinh lớp 10 năm học 2014-2015

STT	SBD	Họ - tên lót	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Văn	Anh	Toán	Toán chuyên	Điểm xét tuyển
1	140088	Khương Hồng	Anh	03/09/1999	Tp Hồ Chí Minh	Nữ	3.5	7.1	8.25	7	32.85
2	140273	Nguyễn Phước	Bách	31/08/1999	Tp Hồ Chí Minh	Nam	3.5	6.4	8.5	9	36.4
3	140290	Lê Quốc	Bảo	20/03/1999	Tp Hồ Chí Minh	Nam	4.75	7.4	7.25	5.5	30.4
4	140318	Nguyễn Thanh	Bình	12/11/1999	Tp Hồ Chí Minh	Nam	4.5	8.4	8	5	30.9
5	140380	Nguyễn Ngọc Linh	Chi	31/03/1999	Tp Hồ Chí Minh	Nữ	5.25	6.6	8.5	7	34.35
6	140473	Đặng Minh	Dũng	27/05/1999	Tp Hồ Chí Minh	Nam	5.5	7.8	7.25	7	34.55
7	140522	Nguyễn	Duy	25/12/1999	Tp Hồ Chí Minh	Nam	4	6.5	7.5	7.5	33
8	140531	Nguyễn Khắc	Duy	01/01/1999	Bình Định	Nam	5.75	5.8	8.75	9.5	39.3
9	140688	Lê Phúc	Đức	06/01/1999	Đồng Nai	Nam	3.75	6	7.75	8	33.5
10	140792	Nguyễn Hoàng	Hải	20/01/1999	Tp Hồ Chí Minh	Nam	2.25	5.6	8.75	6.5	29.6
11	140972	Lê Hữu	Hoàng	29/09/1999	Đồng Nai	Nam	4.5	6.4	7.75	8.75	36.15
12	141002	PHAN MINH	HOÀNG	26/06/1999	Tp Hồ Chí Minh	Nam	4	8.3	5.75	6.5	31.05
13	141024	Hoàng	Huân	16/07/1999	Tp Hồ Chí Minh	Nam	5	6.6	8.25	5	29.85
14	141026	NGÔ TẤN	HUÂN	13/09/1999	Tp Hồ Chí Minh	Nam	5	8	7.5	5	30.5
15	141055	Đỗ Trần Nguyên	Huy	16/08/1999	Tp Hồ Chí Minh	Nam	5.25	6.9	10	9	40.15
16	141107	Nguyễn Võ Đức	Huy	08/10/1999	Tp Hồ Chí Minh	Nam	4	8.1	7.5	5	29.6
17	141125	Trần Nguyễn Nhật	Huy	09/11/1999	An Giang	Nam	5	7.4	7.5	6.25	32.4
18	141155	LÂM TRUNG	HƯNG	01/06/1999	Tp Hồ Chí Minh	Nam	5.5	6.5	8	5.25	30.5
19	141172	Trần Vinh	Hưng	17/12/1999	Tp Hồ Chí Minh	Nam	2.5	5.6	7	8.25	31.6
20	141189	Nguyễn Quỳnh	Hương	04/03/1999	Tp Hồ Chí Minh	Nữ	4.5	9.1	8.25	6.5	34.85
21	141214	NGUYỄN TRẦN TUẤN	KHẢI	28/11/1999	Tp Hồ Chí Minh	Nam	4.5	7.3	7.75	5.5	30.55
22	141245	Nguyễn Phan Quốc	Khang	25/06/1999	Tp Hồ Chí Minh	Nam	5	7.1	8.5	8	36.6
23	141391	Nguyễn Phan	Khôi	01/10/1999	Tp Hồ Chí Minh	Nam	6	7.4	6.25	5	29.65
24	141392	Nguyễn Tấn	Khôi	08/02/1999	Tp Hồ Chí Minh	Nam	5.75	6.3	9.25	4.25	29.8
25	141429	Nguyễn Phương Anh	Kiệt	12/06/1999	Tp Hồ Chí Minh	Nam	3	8.9	7.5	5.5	30.4
26	141435	Đinh Nguyễn Hoàng	Kim	16/08/1999	Gia Lai	Nam	6	7.5	7	6	32.5
27	141459	TRẦN PHƯƠNG	LAM	23/09/1999	Tp Hồ Chí Minh	Nữ	6	6	7.75	5	29.75
28	141553	Phi Yến	Linh	13/06/1999	Tp Hồ Chí Minh	Nữ	5.5	8.4	7.25	5.5	32.15
29	141631	Cao Thị Khánh	Ly	26/04/1999	Tp Hồ Chí Minh	Nữ	5	6.9	7.25	5.25	29.65
30	141676	Phạm Nguyễn	Mạnh	28/10/1999	Tp Hồ Chí Minh	Nam	4.75	7.8	8.5	8.5	38.05
31	141748	Thái Hoàng	Minh	18/06/1999	Tp Hồ Chí Minh	Nam	4.5	5.4	7.25	6.5	30.15
32	141767	Đoàn Ái Thảo	My	17/12/1999	Quảng Ngãi	Nữ	4.75	6	7.25	6	30
33	141822	TRỊNH HOÀNG	NAM	25/04/1999	Tp Hồ Chí Minh	Nam	3.75	7.9	6.75	8	34.4
34	141874	Quách Gia	Nghi	30/12/1999	Tp Hồ Chí Minh	Nữ	4.75	8.4	8	7.25	35.65
35	141900	TRẦN ĐẠI	NGHĨA	09/05/1999	Tp Hồ Chí Minh	Nam	3.75	6	8	7	31.75
36	141937	Nguyễn Trung	Ngọc	07/08/1999	Tp Hồ Chí Minh	Nam	4.25	6	6	7	30.25
37	141971	Huỳnh Phạm Minh	Nguyên	19/06/1999	Tp Hồ Chí Minh	Nam	5.25	4.5	9	7.25	33.25
38	142019	Võ Ngọc Sĩ	Nguyên	17/06/1999	Bình Định	Nam	6	8	8	8.25	38.5
39	142025	Phan	Nguyễn	24/10/1999	Tp Hồ Chí Minh	Nam	4.25	7.4	7.5	5.25	29.65
40	142058	Nguyễn Trí	Nhân	12/05/1999	Tp Hồ Chí Minh	Nam	4.75	7.6	7	5.5	30.35
41	142124	Phạm Lê Yến	Nhi	04/09/1999	Đắk Lắk	Nữ	4.5	6.4	7.75	5.5	29.65
42	142151	Nguyễn Đỗ Hồng	Nhung	26/07/1999	Tp Hồ Chí Minh	Nữ	7	7.4	5.25	5	29.65

STT	SBD	Họ - tên lót	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Văn	Anh	Toán	Toán chuyên	Điểm xét tuyển
43	142235	Trương Tấn	Phát	06/08/1999	Long An	Nam	4.5	6.6	9	6	32.1
44	142241	Đoàn Tấn	Phong	13/04/1999	TT-Huế	Nam	6	5.3	8	5.75	30.8
45	142304	THÁI NGUYÊN	PHÚC	01/06/1999	Tp Hồ Chí Minh	Nam	4	8.9	5.75	6	30.65
46	142435	TRƯƠNG CÔNG MINH	QUANG	10/05/1999	Tp Hồ Chí Minh	Nam	4.25	6.8	8.25	5.25	29.8
47	142438	Bùi Việt Minh	Quân	25/02/1999	Tp Hồ Chí Minh	Nam	5.75	7.8	8.75	6.25	34.8
48	142570	Lưu Quang Hải	Sơn	06/05/1999	Tp Hồ Chí Minh	Nam	3	8.6	7.5	5.75	30.6
49	142631	Phan Duy Nhật	Tân	27/07/1999	Tp Hồ Chí Minh	Nam	2.5	8.8	7.75	6.5	32.05
50	142643	Trần Kim	Thạch	21/04/1999	Tp Hồ Chí Minh	Nam	6.5	8	6.5	5	31
51	142647	Khổng Minh	Thái	04/02/1999	Tp Hồ Chí Minh	Nam	4.75	9.1	7.75	5.75	33.1
52	142752	Lê Hữu	Thắng	15/10/1999	Tp Hồ Chí Minh	Nam	5	7.1	7.5	5.25	30.1
53	142809	TRẦN VŨ QUANG	THỊNH	18/06/1999	Tp Hồ Chí Minh	Nam	5.5	6.1	8.5	6	32.1
54	142843	Trần Thái	Thông	09/06/1999	Khánh Hòa	Nam	4	6.6	9.75	6	32.35
55	143103	LÊ NGỌC BẢO	TRÂN	19/08/1999	Tp Hồ Chí Minh	Nữ	3.75	8.1	5.25	8	33.1
56	143105	Lư Bảo	Trân	07/01/1999	Tp Hồ Chí Minh	Nữ	8.25	9.1	6.5	5.5	34.85
57	143112	Nguyễn Ngọc Bảo	Trân	01/08/1999	Tiền Giang	Nữ	4.75	7.6	6.75	7.75	34.6
58	143130	HỒ MINH	TRÍ	31/05/1999	Tp Hồ Chí Minh	Nam	5.5	9.5	7	5	32
59	143139	Nguyễn Lê	Trí	05/12/1999	Tp Hồ Chí Minh	Nam	3.75	8.4	7.25	5.5	30.4
60	143141	Nguyễn Minh	Trí	11/10/1999	Tp Hồ Chí Minh	Nam	4.75	6.4	7.75	6.75	32.4
61	143159	Phạm Hữu	Triết	02/12/1999	Tp Hồ Chí Minh	Nam	7	6.3	7.75	6.25	33.55
62	143210	Phạm Mai Xuân	Trúc	15/03/1999	Tp Hồ Chí Minh	Nữ	6	6	7.25	5.5	30.25
63	143251	Nguyễn Huỳnh Thanh	Tuấn	29/06/1999	Tp Hồ Chí Minh	Nam	5	6.3	8.25	5.25	30.05
64	143257	Trần Anh	Tuấn	17/03/1999	Khánh Hòa	Nam	3.75	9.3	7.5	5.5	31.55
65	143293	ĐINH NGUYỄN KHÁNH	TÙNG	10/11/1999	Tp Hồ Chí Minh	Nam	4.5	6.8	7.75	5.5	30.05
66	143434	Nguyễn Thái	Vinh	05/11/1999	Tp Hồ Chí Minh	Nam	4.75	5.6	7.5	7	31.85

Danh sách có 66 học sinh

Tp.HCM, ngày 23 tháng 6 năm 2014
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH

HIỆU TRƯỞNG
GS.TS. TRẦN LINH THƯỚC